

Bản án số: 317/2020/HS-PT
Ngày 12 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trí.

Ông Nguyễn Văn Tưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 684/2019/TLPT-HS ngày 4 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo: Phan Hữu Ph, Nguyễn Thành K, Nguyễn Hoàng Tr về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” và tội “*Đưa hối lộ*”; Các bị cáo: Lê Quang Th, Nguyễn L, Nguyễn Tấn B, Bùi Đăng H và Phạm Văn H1 về tội “*Nhận hối lộ*”; Các bị cáo: Bùi Văn Khg và Hà Thăng L1 về tội “*Lợi dụng chức vụ, Quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”; Các bị cáo: Phan Hữu Q, Lê Văn Ch, Phạm Trung K1, Phạm Văn T, Trần Văn Th1, Nguyễn Văn Th2, Trần Đức H2, Hồ Trọng D, Trần Lưu L2, Dương Quốc B1, Ngô Hùng V, Nguyễn D1, Đặng Tiến Tr1, Huỳnh Ng và Nguyễn Văn L3 về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo: Phan Hữu Ph, Nguyễn Hoàng Tr, Lê Quang Th, Nguyễn L, Nguyễn Tấn B, Bùi Đăng H, Phạm Văn H1, Bùi Văn Khg, Phan Hữu Q, Lê Văn Ch, Hồ Trọng D, Trần Lưu L2, Ngô Hùng V, Phạm Trung K1, Phạm Văn T, Nguyễn Văn L3 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2019/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2020/QĐPT-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Hữu Ph, sinh năm 1968, tại tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Số 241, đường THĐ, thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông; Nghề ngH: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P.H.T và bà P.T.L; Có vợ là Đ.T.U.C và 02 con (con lớn sinh năm 1999 và con nhỏ sinh năm 2000); Tiền án,

tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2018 đến ngày 17/5/2019, được tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Hoàng Tr, sinh năm 1982, tại tỉnh Sóc Trăng.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 7 BT, phường NH, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa; Nghề ngH: Nhân viên Công ty TT; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N.V.H và bà L.T.X (đã chết); Có vợ là H.T.K.M và 02 con (con lớn sinh năm 2015 và con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2018 đến ngày 28/6/2019, được tại ngoại (có mặt).

3. Lê Quang Th, sinh năm 1969, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Số 107, đường Lê Thánh Tông, Tổ dân phố 7, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; Nghề ngH: Công chức kiểm lâm; Trình độ học vấn: Kỹ sư lâm sinh; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông LN và bà N.T.M; Có vợ là N.T.L (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 1997 và con nhỏ sinh năm 2005); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2018 đến ngày 02/4/2019, được tại ngoại (có mặt).

4. Nguyễn L, sinh năm 1971, tại tỉnh Quảng Nam.

Nơi cư trú: Thôn 12, xã HK, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; Nghề ngH: Nhân viên quản lý bảo vệ rừng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N.T và bà Đ.T.N (đều đã chết); Có vợ là C.T.H và 02 con (con lớn sinh năm 2002 và con nhỏ sinh năm 2006); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Nguyễn Tấn B, sinh năm 1983, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Tạm trú: Số 37, đường LLQ, thị trấn ES, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; Nghề ngH: Công chức kiểm lâm; Trình độ học vấn: Kỹ sư lâm sinh; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N.C.T và bà Q.T.D; Có vợ là N.T.N và 02 con (con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

6. Bùi Đăng H, sinh năm 1983, tại tỉnh Th Bình.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông; Nghề ngH: Nhân viên quản lý bảo vệ rừng; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông B.Đ.B (đã chết) và bà T.T.T; Có vợ là Nguyễn Thị N.T.L và 02 con, (con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2020); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

7. Phạm Văn H1, sinh năm 1987, tại tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Thôn ĐM, xã ĐW, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông; Nghề ngH: Nhân viên quản lý bảo vệ rừng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P.V.T (Phạm Văn Hán - đã chết) và bà N.T.L; Có vợ là V.T.G và 02 con (con lớn sinh năm 2013 và con nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

8. Bùi Văn Khg, sinh năm 1964, tại tỉnh Th Nguyên.

Nơi cư trú: Số 29, đường CQ, phường TA, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Công chức kiểm lâm; Trình độ học vấn: Kỹ sư lâm sinh; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông B.V.K (đã chết) và bà N.T.T; Có vợ là N.T.H (đã ly hôn) và 05 con con (con lớn nhất sinh năm 1988 và con nhỏ nhất sinh năm 2003); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2018 đến ngày 14/01/2019, được tại ngoại (có mặt).

9. Phan Hữu Q, sinh năm 1975, tại tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P.H.T và bà P.T.L; Có vợ là Đ.T.T và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2002 và con nhỏ nhất sinh năm 2005); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2018 đến ngày 07/12/2018, được tại ngoại (có mặt).

10. Lê Văn Ch, sinh năm 1969, tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông L.V.K và bà N.T.H (đều đã chết); Có vợ là P.T.V (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2000 và con nhỏ sinh năm 2002); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2018 đến ngày 07/12/2018, được tại ngoại (có mặt).

11. Hồ Trọng D (tên gọi khác: Dũng Ngọng), sinh năm 1965, tại tỉnh Bình Định.

Nơi cư trú: Số 106, đường DDT, phường TC, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông HDL và bà N.T.T (đều đã chết); Có vợ là L.T.A.T và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1994 và con nhỏ nhất sinh năm 1999); Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 518/2015/HS-PT ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/9/2016 và chấp hành xong án phí. Nhân thân: Ngày 18/12/2001, bị Hạt Kiểm lâm số 03, tỉnh Đắk Lắk xử phạt hành chính về hành vi “*Mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép*”; Bản án hình sự phúc thẩm số: 584/2003/HS-PT ngày 29/7/2003 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Đà Nẵng, xử phạt 03 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” và tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”; Bản án hình sự sơ thẩm số: 179/2003/HS-ST ngày 20/10/2003 của Tòa án nhân dân thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Gá bạc*” và tội “*Đánh bạc*”, tổng hợp 03 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 584/2003/HS-PT ngày 29/7/2003 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Đà Nẵng, buộc chấp hành hình phạt chung là 04 năm 03 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/01/2007, đã được xóa án tích; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2018 đến ngày 12/10/2018, được tại ngoại (có mặt).

12. Trần Lưu L2, sinh năm 1979, tại tỉnh Thừa Thiên Huế (chết ngày 27/12/2019).

Nơi cư trú: Số 69, đường ĐVN, phường ET, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghH: Lái xe; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T.L.L (đã chết) và bà N.T.X; Có vợ là Đ.T.X.L (đã ly hôn) và 01 con; Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số: 160/2002/HS-PT ngày 07/8/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/10/2004, đã được xóa án tích; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2018 đến ngày 12/10/2018, được tại ngoại.

13. Ngô Hùng V (tên gọi khác: Tý Than), sinh năm 1988, tại tỉnh Đắk Nông.

Nơi cư trú: Tổ 4, Khối 2, thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghH: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N.H.S và bà N.T.H; Bị cáo chưa có vợ, con; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

14. Phạm Trung K1, sinh năm 1977, tại tỉnh Quảng Bình.

Nơi cư trú: Thôn PN, xã DN, huyện QN, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghH: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P.V.G và bà N.T.Q; Có vợ là H.T.A và 04 con (con lớn nhất sinh năm 1999 và con nhỏ nhất sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (vắng mặt).

15. Phạm Văn T, sinh năm 1975, tại tỉnh Quảng Bình.

Nơi cư trú: Thôn PN, xã DN, huyện QN, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghH: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P.N.K và bà V.T.T; Có vợ là P.T.N và 02 con (con lớn sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (vắng mặt).

16. Nguyễn Văn L3 (tên gọi khác: Phệ), sinh năm 1991, tại tỉnh Đắk Nông.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghH: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N.V.T và bà N.T.L; Có vợ là M.T.V, có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2011/HS-ST ngày 01/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện CJ, tỉnh Đắk Nông, xử phạt 05 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, được đặc xá, tha tù trước thời hạn ngày 30/8/2013; Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2014/HS-ST ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện CJ, tỉnh Đắk Nông, xử phạt 09 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, chấp hành xong hình phạt ngày 14/4/2015, đã được xóa án tích; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H: Luật sư VTT, Văn phòng luật sư Hồng Đức, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Trong vụ án này có các bị cáo: Hà Thăng L1, Nguyễn Thành K, Trần Văn Th1, Nguyễn Văn Th2, Trần Đức H2, Đặng Tiến Tr1, Dương Quốc B1, Nguyễn D1, Huỳnh Ng và người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan là Ninh Văn V1, Mai Gia Q1 và H'Lan Niê BD nhưng không có kháng cáo, cũng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu nhà nước là 640,022m³ gỗ các loại từ nhóm II đến nhóm VI trôi dạt, vùi lấp dưới lòng suối Đắk Đam do Vườn Quốc gia YD trực vớt. Ngày 09/01/2017, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk ký hợp đồng bán đấu giá tài sản với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đắk Lắk (Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản) số gỗ nói trên. Sau khi có thông báo bán đấu giá của Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Phan Hữu Ph và Công ty TT do Nguyễn Thành K làm Giám đốc, đã làm hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá tài sản. Kết quả Ph và Công ty TT là đơn vị trúng đấu giá lô gỗ trực vớt nói trên. Ngày 23/01/2017, Ph ký hợp đồng với Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk số: 34/2017/HĐMB-TTĐG mua 61,381m³ gỗ xẻ các loại từ nhóm II đến nhóm VI, với số tiền là 294.000.000 đồng và K ký hợp đồng số: 35/2017/HĐMB-TTĐG mua 579,241m³ gỗ tròn các loại từ nhóm II đến nhóm VI, với số tiền là 2.412.000.000 đồng. Sau đó, Ph và K cùng bàn bạc lợi dụng việc vận chuyển gỗ mua đấu giá để tổ chức khai thác và mua thêm gỗ bất hợp pháp tại khu vực Vườn Quốc gia YD và khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia để vận chuyển cùng đưa về huyện CJ, tỉnh Đắk Nông tiêu thụ.

Ngày 08/3/2017, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk có công văn số: 192/CCKL-TTPC chỉ đạo Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn phối hợp với Vườn Quốc gia YD và Đoàn Biên phòng 747 đóng dấu búa kiểm lâm đối với lô gỗ mà Công ty TT và Ph mua đấu giá. K và Ph giao cho Nguyễn Hoàng Tr liên hệ với Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn để được đóng dấu búa kiểm lâm lô gỗ mua đấu giá. Tr đến gặp Bùi Văn Kh là Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn và được Kh đồng ý thời gian tổ chức đóng dấu. Sáng ngày 29/3/2017, Kh phân công Hà Thăng L1 là cán bộ quản lý bảo vệ rừng và Mai Gia Q1 là cán bộ Kiểm lâm địa bàn xã KN, cùng đi với Tr vào bãi gỗ của Ph và K để phối hợp với Vườn Quốc gia YD và Đoàn Biên phòng 747 tiến hành kiểm tra, đo đếm và đóng dấu búa kiểm lâm toàn bộ lô gỗ trúng đấu giá. Việc đóng dấu búa kiểm lâm được thực hiện xong trong ngày 29/3/2017, L1 là người trực tiếp làm hồ sơ nghiệm thu đóng dấu và trình Kh ký xác nhận.

Ngày 31/3/2017, K và Ph đưa cho Tr 120.000.000 đồng để bồi dưỡng cho Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn. Tr đến gặp và đưa cho Kh số tiền 120.000.000 đồng. Tr nói với Kh là Ph và Công ty TT bồi dưỡng Hạt kiểm lâm huyện Buôn Đôn việc đóng dấu búa lô gỗ mua trúng đấu giá. Đầu tháng 4/2017, Kh thông báo cho anh Ninh Văn V1 và chị H'Lan Niê BD đều là Phó Hạt trưởng và L1 biết việc Ph và K bồi dưỡng số tiền 120.000.000 đồng. Sau khi thống nhất, Kh đưa cho anh V1 và chị H'Lan, mỗi người 15.000.000 đồng, tổ đóng dấu 20.000.000 đồng, nhập quỹ cơ quan 10.000.000 đồng, Kh 20.000.000 đồng, số tiền còn lại Kh giữ để tiếp khách. Sau đó, L1 trực tiếp nhận 60.000.000 đồng từ Kh đưa cho H'Lan

15.000.000 đồng, V1 15.000.000 đồng, Mai Gia Q1 5.000.000 đồng, Nguyễn Văn Ph 3.000.000 đồng, L1 12.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng L1 nhập quỹ cơ quan và đã chi tiêu hết vào hoạt động của của cơ quan.

Sau khi nghiệm thu đóng búa xong, Ph và K bắt đầu tổ chức vận chuyển gỗ, đồng thời tổ chức việc thu mua, khai thác gỗ trái phép tại Vườn Quốc gia YD thuộc địa giới hành chính xã KN, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk, để vận chuyển cùng với số gỗ mua trúng đấu giá về huyện CJ tiêu thụ như sau:

1. Về hành vi khai thác, mua bán gỗ trái phép:

Để việc khai thác, mua bán gỗ trái phép được thuận lợi, Ph giao cho em trai là Phan Hữu Q và Lê Văn Ch trực tiếp theo dõi việc khai thác và mua bán gỗ bất hợp pháp trong khu vực Vườn Quốc gia YD. Q và Ch chỉ đạo nhóm người làm thuê cho Ph gồm: Trần Văn Th1, Nguyễn Văn Th2, Trần Đức H2, Phạm Trung K1, Phạm Văn T, Phạm Văn H2, Phạm Văn Ch1, Nguyễn Văn L3 và Lê Quang Th3 tiến hành khai thác, thu mua và vận chuyển gỗ trái phép trong khu vực Vườn Quốc gia YD, khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia. Tại đây, các đối tượng trên dựng lán trại để sinh hoạt và bắt đầu tổ chức khai thác, vận chuyển, mua bán gỗ bất hợp pháp từ đầu tháng 4/2017. Riêng Nguyễn Văn L3 và Lê Quang Th3 tham gia vận chuyển từ khoảng đầu tháng 4/2018. Ph là người trả tiền công cho các đối tượng trên theo tháng, người cao nhất là 10.000.000 đồng/tháng, người thấp nhất 7.000.000 đồng/tháng. Những người làm thuê cho Ph và K sử dụng cưa xăng để khai thác gỗ và sử dụng xe cầu, xe độ chế để vận chuyển gỗ về bãi tập kết. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 4/2017 đến 27/4/2018, nhóm khai thác đã cưa hạ 43 cây gỗ các loại trong lâm phần do Vườn Quốc gia YD quản lý. Ngoài việc khai thác, Q và Ch còn chỉ đạo việc thu mua, vận chuyển gỗ bất hợp pháp của các đối tượng khác tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia. Gỗ sau khi khai thác, thu mua được tập kết trong khu vực biên giới. Khi có xe ô tô tải của Ph đến thì cùng nhau kéo về bãi gỗ gần lán trại để vận chuyển về huyện CJ, tỉnh Đắk Nông tiêu thụ.

2. Về hành vi vận chuyển gỗ:

Để thực hiện việc vận chuyển gỗ từ khu vực khai thác, thu mua trái phép đến huyện CJ, Ph giao cho Đặng Tiến Tr1 lái xe chở gỗ. Thông qua Tr1, Ph thuê: Hồ Trọng D, Phạm Tấn Th3, Trần Lưu L2, Dương Quốc B1 và Ngô Hùng V làm lái xe và phụ xe ô tô tải biển kiểm soát 61L-3057 và 61C-072.70 của Ph để vận chuyển gỗ. Ph trả cho D, Th3, L2, B1 và V từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng/chuyến. Ngoài ra, từ tháng 4/2017 đến tháng 02/2018, Ph thuê Cao Tiến Thịnh vận chuyển gỗ, Thịnh sử dụng 02 xe ô tô biển kiểm soát 47C-101.19 và 48C-029.98 và lái xe của Thịnh để vận chuyển gỗ cho Ph. Khi xe vào khu vực biên giới chở gỗ thì Q, Ch, Thảo, Thuy, Trần Đức H2, Kiên, Tuyển, Chủ, Phạm Văn H2, Lợi và Thành sử dụng 03 xe độ chế của Ph kéo gỗ từ bãi tập kết đến bãi gỗ gần lán trại của Ph. Sau đó, Q, Ch đo đếm gỗ, Tr ghi chép số liệu để theo dõi. Ph thuê Vũ Trọng L4 sử dụng xe ô tô tải biển kiểm soát 48C- 043.39 của Ph và thuê xe tải biển kiểm soát 47LA-0455 của Nguyễn D1 do Nguyễn D1 điều khiển, Huỳnh Ng phụ xe tải gỗ lên xe tải. Khi vận chuyển, Tr thỉnh thoảng có sử dụng xe ô tô

biển kiểm soát 48A-034.56 hoặc xe ô tô biển kiểm soát 48C-001.79 của Ph đi trước để áp tải vận chuyển gỗ.

3. K và Ph giao cho Nguyễn Hoàng Tr mở sổ theo dõi, ghi chép khối lượng, chi phí khai thác, vận chuyển, tiền chung chi cho các cá nhân trong các cơ quan, đơn vị có liên quan, lập các bảng kê lâm sản để Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn xác nhận và áp tải xe vận chuyển gỗ từ Vườn Quốc gia YD về huyện CJ. Căn cứ sổ ghi chép và dữ liệu trong máy tính của Tr, có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 10/4/2017 đến 27/4/2018, Ph và K đã vận chuyển tổng cộng 142 chuyến, trong đó có 29 chuyến Tr không theo dõi khối lượng, 113 chuyến Tr ghi chép sổ sách thể hiện tổng khối lượng gỗ đã vận chuyển là 1.451,368m³/1.091 lóng gỗ các loại. Trong đó, gỗ hợp pháp là 531,072m³/363 lóng, gỗ bất hợp pháp là 918,128 m³/727 lóng (gồm các loại gỗ: Sao, Dầu, Cà chít, Căm xe, Chiêu liêu, Gáo, Bo bo, Bằng lăng, Sến), cụ thể:

Đợt 01: Từ ngày 10/4/2017 đến ngày 20/5/2017, vận chuyển 43 chuyến, khối lượng 623,437m³/526 lóng, trong đó 347,639m³/237 lóng gỗ hợp pháp, 275,797m³/289 lóng gỗ bất hợp pháp (gồm các loại gỗ: Sao, Bo bo, Dầu, Chiêu liêu, Cà chít, Căm xe).

Đợt 02: Từ 16/8/2017 đến ngày 20/9/2017, vận chuyển 24 chuyến, có 22 chuyến theo dõi với khối lượng là 303,395m³/228 lóng, trong đó 62,346m³/69 lóng gỗ hợp pháp, 241,049m³/159 lóng gỗ bất hợp pháp (gồm các loại gỗ: Sao, Táp, Dầu, Cà chít, Căm xe, Gáo, Sao cát, Sến, Bằng lăng).

Đợt 3: Từ ngày 09-01-2018 đến ngày 08-02-2018, vận chuyển 45 chuyến, có 37 chuyến theo dõi với khối lượng là 404,686m³/235 lóng, trong đó 89,768m³/23 lóng gỗ hợp pháp, 314,918m³/212 lóng gỗ bất hợp pháp (gồm các loại gỗ: Sao, Dầu, Cà chít, Căm xe, Gáo).

Đợt 04: Từ ngày 03/3/2018 đến ngày 27/4/2018, vận chuyển 30 chuyến, có 11 chuyến theo dõi với khối lượng là 119,851m³/101 lóng, trong đó 33,487m³/34 lóng gỗ hợp pháp, 86,364m³/67 lóng gỗ bất hợp pháp (gồm các loại gỗ: Sao, Chiêu liêu, Cà chít, Căm xe, Gáo).

Toàn bộ số gỗ trên được vận chuyển về huyện CJ, tập kết tại kho của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Đắk Wil (Công ty Đắk Wil) trong thời gian tháng 4 và tháng 5/2017. Sau đó, gỗ được chuyển đến kho xưởng của Doanh nghiệp tư nhân chế biến lâm sản Khánh Công (kho Khánh Công) do Nguyễn Thành K thuê; Kho của Công ty TNHH L1 Vũ (kho L1 Vũ); Nhà nghỉ L1 Vũ trên thửa đất số 1110 của Ph tại số 110, thị trấn ET, huyện CJ và kho của Công ty TNHH TP (kho TP), tại xã Trúc Sơn, huyện CJ do Ph thuê. Tại các kho bãi này, ngoài xe cầu biển kiểm soát 48C-043.39 của Ph do L4 điều khiển để cầu gỗ từ xe tải xuống bãi, Ph còn thuê Nguyễn Đình Ch2 sử dụng xe cầu biển kiểm soát 48C-026.25 của Chí cầu gỗ từ xe tải xuống bãi vào tháng 9/2017 và các tháng 1, 2, 3, 4/2018. Ngoài ra, Ph thuê Vũ Bá Th4, Nguyễn Văn D, Trần Văn O cưa xẻ, chế biến gỗ; Đào Văn M quản lý, theo dõi việc cưa xẻ, chế biến gỗ; Huỳnh Văn H2 theo dõi số lượng gỗ thành phẩm sau khi cưa xẻ, chế biến; Trần Thị Huyền D làm kế toán.

Đến ngày 27/4/2018, khi L2 điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 61L-3057, Bảo là phụ xe và D điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-072.70, V là phụ xe đang chở gỗ về kho L1 Vũ tại huyện CJ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và Công an tỉnh Đắk Nông phối hợp bắt quả tang 44,905m³ gỗ các loại từ nhóm IIA đến nhóm V không có giấy tờ hợp pháp. Trong số 43 cây gỗ mà các đối tượng trên khai thác, Nguyễn Văn L3 tham gia vận chuyển 05 cây, có khối lượng 22,626m³, giá trị là 203.634.000 đồng.

Tiến hành khám xét tại các kho xưởng của Ph và Công ty TT tại kho Khánh Công, kho L1 Vũ, kho TP, nhà nghỉ L1 Vũ, thửa đất số 1110 đã phát hiện, thu giữ 534,852m³ gỗ không có giấy tờ hợp pháp, không có dấu búa kiểm lâm. Kiểm tra tại kho KC và bãi gỗ trên đường 14C thuộc Vườn Quốc gia YD của Công ty TT còn phát hiện 39 lóng gỗ có dấu búa kiểm lâm nhưng không phù hợp với hồ sơ. Căn cứ Kết luận giám định ngày 26/12/2018 của Giám định viên thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông, xác định: 39 lóng gỗ nêu trên có khối lượng 52,248m³, giá trị 226.281.650 đồng. Tổng khối lượng gỗ bất hợp pháp thu giữ được là 632,005m³, giá trị là 3.176.900.960 đồng.

Kết luận giám định ngày 05/01/2019 của Giám định viên thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông, xác định: 44,905m³ gỗ bất hợp pháp trên 02 xe ô tô biển kiểm soát 61L-3057 và 61C-072.70 có giá trị là 213.568.450 đồng. Kết luận giám định ngày 25/10/2018 và ngày 15/3/2019 của Giám định viên thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông, xác định: 534,852m³ gỗ bất hợp pháp của Công ty TT và Ph có giá trị là 2.737.050.860 đồng. Kết luận giám định ngày 25/6/2018 và ngày 11/10/2018 của Giám định viên thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông xác định: Khối lượng 43 cây gỗ bị khai thác trái phép trong lâm phần Vườn Quốc gia YD là 74,675m³, gồm các loại gỗ: Dầu, Cà chít, Sao, Cẩm xe, Chiêu liêu, từ nhóm II đến nhóm VI. Kết luận định giá tài sản ngày 16/4/2019 của Hội đồng Định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, xác định: Giá trị của 74,675m³ gỗ nêu trên là 795.842.700 đồng.

4. Quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 4/2018, Ph, K, Tr và đồng phạm vận chuyển gỗ theo tuyến đường cố định là: Từ bãi gỗ thuộc Vườn quốc gia YD gần Đồn Biên phòng 747, đi theo Quốc lộ 14C qua Đồn Biên phòng 749, 751, đi theo đường quốc phòng qua Trạm Kiểm lâm số 10 của Vườn Quốc gia YD, qua Trạm quản lý bảo vệ rừng số 01 thuộc Công ty Đắk Wil về trung tâm huyện CJ, tỉnh Đắk Nông. Để việc vận chuyển gỗ bất hợp pháp không bị kiểm tra, phát hiện và xử lý Ph, K và Tr đã gặp và đưa tiền cho một số cá nhân có thẩm Q kiểm tra và xử lý vi phạm trong các cơ quan nói trên, cụ thể: Tháng 5/2017, Ph và K gặp gỡ Lê Quang Th là Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 01 thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông tại quán cà phê thuộc xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Tại đây, Ph, K và Th thỏa thuận với nhau Ph và K sẽ chung chi tiền cho Th để Ph và K vận chuyển gỗ bất hợp pháp kèm theo gỗ mua đấu giá từ Vườn Quốc gia YD về huyện Cư Jut mà không bị kiểm tra, xử lý. Sau đó, K và Ph thống nhất việc chung chi cho Th do K đảm nhiệm và giao cho Tr thực hiện, ghi chép sổ sách theo dõi. Vào các ngày 18/6, 14/8, 01/9/2017, 07/01 và 31/3/2018, Tr đã trực tiếp đưa tiền cho Th 02 lần tại

nhà Th và đưa cho bà Lê Thị Th (chị gái của Th) 03 lần tại thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk tổng số tiền là 249.500.000 đồng.

5. Trạm Kiểm lâm số 10 thuộc Vườn Quốc gia YD có chức năng, nhiệm vụ trong công tác quản lý bảo vệ rừng và kiểm tra, kiểm soát lâm sản trong diện tích 15.585ha mà Vườn Quốc gia YD giao. Vị trí đặt trạm ngay bên lề đường biên giới từ Đồn Biên phòng 743, 747, 749 đến Trạm Kiểm lâm số 10 (Trạm số 10), qua Đồn Biên phòng 751 về lâm phần Công ty Đắc Wil. Trước khi vận chuyển gỗ, Tr mang hồ sơ mua đấu giá lô gỗ trực vớt đến Vườn Quốc gia YD và Trạm số 10 để xin vận chuyển gỗ từ khu vực biên giới về trung tâm huyện CJ và được Vườn Quốc gia YD, Trạm số 10 đồng ý. Vườn Quốc gia YD giao cho Trạm số 10 có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển gỗ của Ph và K, đồng thời giao cho Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia YD có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc Trạm số 10 trong công tác kiểm tra, kiểm soát lâm sản. Quá trình áp tải xe vận chuyển gỗ, Ph và K giao cho Tr gặp và đưa cho Nguyễn Tấn B là Trạm trưởng Trạm số 10 hai lần với tổng số tiền 10.000.000 đồng vào tháng 4/2017 và ngày 06/4/2018. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, B chỉ tổ chức kiểm tra khoảng 05 chuyến xe vận chuyển gỗ đầu tiên của Ph và K, các chuyến xe vận chuyển gỗ sau này Bình không chỉ đạo nhân viên Trạm số 10 kiểm tra theo quy định.

6. Trạm Quản lý bảo vệ rừng số 01 thuộc Công ty Đắc Wil (Trạm số 01) có chức năng quản lý bảo vệ, phát triển rừng và kiểm tra, kiểm soát lâm sản trên tuyến đường quốc phòng từ Đồn Biên phòng 751 đến trung tâm xã Đắc Wil mà Ph và K vận chuyển gỗ đi qua. K và Ph giao cho Tr liên hệ và đưa tiền cho Nguyễn L là Trạm trưởng ba lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng vào các ngày 04/5/2017, 26/5/2017, 21/8/2017. Số tiền đã nhận, L sử dụng 2.000.000 đồng để chi tiêu ăn uống cho Trạm, sử dụng cá nhân 13.000.000 đồng. Đến ngày 06/02/2018, Bùi Đăng H về làm Trạm trưởng thay cho L, lúc này Trạm số 01 có 04 người. Để việc vận chuyển gỗ trong đợt 4 được thuận lợi, Tr gặp H trao đổi, thống nhất cứ mỗi xe gỗ qua Trạm số 01, Ph và K sẽ bồi dưỡng 500.000 đồng. Sau đó, H nói lại cho H1 cùng các nhân viên trong Trạm, không ai có ý kiến gì. Ngày 19/4/2018, Tr đưa cho H1 8.000.000 đồng và H1 đã thông báo cho H và nhân viên trong trạm biết. Số tiền này, H1 sử dụng chi tiêu mua thức ăn, xăng xe chung cho Trạm. Do đã được Ph, K và Tr thỏa thuận, chung chi tiền như trên. Nên trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến ngày 27/4/2018, Ph và K đã tổ chức vận chuyển số lượng lớn gỗ bất hợp pháp từ Vườn Quốc gia YD đến huyện CJ mà không bị Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 01 thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông, Trạm số 10 thuộc Vườn quốc gia YD và Trạm số 01 thuộc Công ty Đắc Wil kiểm tra, phát hiện và xử lý theo quy định.

7. Trong thời gian vận chuyển gỗ vào tháng 4/2017, Tr đến Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn làm thủ tục xác nhận bảng kê lâm sản thì gặp Kh và Kh đặt vấn đề mua 12 lóng gỗ tròn Cà chít (theo quy cách: Dài khoảng 08m đến 09m, đường kính khoảng 35cm đến 40cm) giúp cho bà H'Thi là vợ ông Y Sy H'Đok là Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk. Tr báo việc này cho Ph và K biết thì Ph và K thống nhất cho Kh số gỗ trên mà không lấy tiền. Đến cuối tháng 4/2017, Ph chỉ đạo Tr và Vũ Trọng L4 điều khiển xe ô tô cầu tải biển kiểm soát 48C-043.39 chở

đến nhà ông Y Sy 08 lóng gỗ Cà chít. Trước khi vận chuyển, Tr có thông báo cho Kh biết để Kh chỉ đường cho Tr đến nhà ông Y Sy. Theo sự hướng dẫn của Kh, Tr và L4 đã chở 08 lóng gỗ Cà chít đến nhà ông Y Sy tại số 119 Buôn Pu, xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Đầu tháng 5/2017, Tr đến Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn xác nhận Bảng kê lâm sản, Kh tiếp tục đặt vấn đề mua 08 lóng gỗ Cà chít hoặc Chiu liu (quy cách: Dài khoảng 07m đến 09m, đường kính khoảng 35cm đến 40cm). Tr cũng báo lại việc này và Ph nói Tr sẽ cho Kh số gỗ trên mà không lấy tiền. Đến cuối tháng 5/2017, Tr cho Nguyễn Đình Ch2 điều khiển xe ô tô chở tải biển kiểm soát 48C-026.25 vận chuyển 04 lóng gỗ hộp Cà chít đến nhà Kh tại số 44 NVL, tổ dân phố 11, phường Tân An, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

8. Để bù lại số gỗ đã cho Kh, đầu tháng 8/2017, Ph nói Tr liên hệ nhờ Kh đóng búa bổ sung nhằm hợp thức hóa số gỗ thu mua bất hợp pháp. Sau đó, Tr đến gặp Kh để đặt vấn đề trên. Mặc dù, biết việc đóng búa bổ sung như Tr đã đề cập là không đúng quy định, song Kh vẫn nói Tr làm tờ trình đóng búa bổ sung để Kh bố trí người đóng búa. Sau khi nhận tờ trình từ Tr, Kh chỉ đạo cho Trịnh Văn Th5 là cán bộ pháp chế thực hiện việc đóng búa bổ sung cho Tr nhưng Th5 biết việc đóng búa bổ sung là sai nên từ chối. Ngày 23/8/2017, Kh chỉ đạo Hà Thăng L1 phối hợp cùng Th5 và Nguyễn Văn Ph là Kiểm lâm địa bàn đi đóng búa bổ sung cho Ph và K. Sáng 24/8/2017, Tr và Trần Việt V2 điều khiển xe ô tô đến Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn đón L1 và Thức, L1 được Kh đưa chìa khóa kết sắt để lấy búa kiểm lâm. Vũ điều khiển xe ô tô chở Tr, L1 và Thức cùng đi đón Ph đến bãi gỗ của Ph và K trong khu vực Vườn Quốc gia YD. Khi vào đến bãi gỗ, L1 và Tr thay nhau cầm búa kiểm lâm (có ký hiệu KL952) đóng vào 39 lóng gỗ bất hợp pháp cho Ph và K, còn Thức và Ph không tham gia đóng búa. Sau đó, Tr báo kết quả đóng búa bổ sung cho Ph biết, Ph nói với Tr bồi dưỡng cho cán bộ Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn số tiền 35.000.000 đồng về việc đóng búa bổ sung. Chiều ngày 24/8/2017, Tr đưa 35.000.000 đồng cho L1 tại thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Sáng ngày 25/8/2017, L1 đưa lại toàn bộ số tiền trên cho Kh, Kh lấy số tiền 5.000.000 đồng, L1 lấy 3.000.000 đồng, số tiền còn lại Kh giao cho L1 để chi phí vào việc của cơ quan và L1 đã sử dụng 10.000.000 đồng trả tiền tiếp khách của cơ quan trước đó, sửa sân cầu lông, sân bóng chuyền và phục vụ hội thao ngành Kiểm lâm 14.000.000 đồng, đưa cho Thức 1.000.000 đồng, đưa cho Phương 2.000.000 đồng, khi đưa tiền cho Th5 và Ph, L1 không nói về nguồn gốc tiền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HS-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, quyết định:

1. Tuyên bố: Phan Hữu Ph, Nguyễn Thành K và Nguyễn Hoàng Tr phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và tội “Đưa hối lộ”; Lê Quang Th, Nguyễn L, Nguyễn Tấn B, Bùi Đăng H và Phạm Văn H1 phạm tội “Nhận hối lộ”; Bùi Văn Kh và Hà Thăng L1 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, Quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; Phan Hữu Q, Lê Văn Ch, Phạm Trung K1, Phạm Văn T, Trần Văn Th1, Nguyễn Văn Th2, Trần Đức H2, Hồ Trọng D, Trần Lưu L2, Dương Quốc B1, Ngô Hùng V, Nguyễn D1, Đặng Tiến Tr1, Huỳnh Ng và Nguyễn Văn L3 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

1.1. Áp dụng điểm e, k khoản 3 Điều 232; điểm đ, e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Hữu Ph 06 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” và 02 năm 06 tháng tù về tội “*Đưa hối lộ*”, hình phạt chung hai tội là 08 năm 06 tháng tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2018 đến ngày 17/5/2019.

1.2. Áp dụng điểm e, k khoản 3 Điều 232; điểm đ, e khoản 2 Điều 364; khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thành K 05 năm 06 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” và năm tù 02 năm 06 tháng tù về tội “*Đưa hối lộ*”, hình phạt chung hai tội là 08 năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 22/01/2019.

1.3. Áp dụng điểm e, k khoản 3 Điều 232; điểm đ, e khoản 2 Điều 364; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Hoàng Tr 03 năm 06 tháng tù năm tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” và 02 năm 06 tháng tù về tội “*Đưa hối lộ*”, hình phạt chung hai tội là 06 năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2018 đến ngày 28/6/2019.

1.4. Áp dụng điểm c, đ khoản 2 khoản 5 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Quang Th 07 năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2018 đến ngày 02/4/2019. Cấm Lê Quang Th đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

1.5. Áp dụng điểm đ khoản 2 khoản 5 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn L 03 năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Cấm Nguyễn L đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 năm 06 tháng tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

1.6. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Tấn B 02 năm 06 tháng tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Cấm Nguyễn Tấn B đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

1.7. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 354; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Đăng H 02 năm 06 tháng tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Cấm Bùi Đăng H đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

1.8. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn H1 02 năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Cấm Phạm Văn H1 đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 01 năm 06 tháng tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

1.9. Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Văn Kh 02 năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2018 đến ngày 14/01/2019.

1.10. Áp dụng khoản 1 khoản 4 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Hà Thăng L1 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, 03 năm thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.11. Áp dụng điểm e, k khoản 3 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

1.11.1. Xử phạt Phan Hữu Q 03 năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2018 đến ngày 07/12/2018.

1.11.2. Xử phạt Lê Văn Ch 03 năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2018 đến ngày 07/12/2018.

1.11.3. Xử phạt Phạm Trung K1 02 năm 06 tháng tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.11.4. Xử phạt Phạm Văn T 02 năm 06 tháng tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.12. Áp dụng điểm k khoản 3 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hồ Trọng D, Điều 54 đối với các bị cáo Trần Lưu L2 và Ngô Hùng V):

1.12.1. Xử phạt Hồ Trọng D 05 năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2018 đến ngày 12/10/2018.

1.12.2. Xử phạt Trần Lưu L2 02 năm 06 tháng tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2018 đến ngày 12/10/2018.

1.12.3. Xử phạt Ngô Hùng V 02 năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.13. Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn L3 01 năm 06 tháng tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.14. Áp dụng điểm k khoản 3 Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

1.14.1. Xử phạt Trần Văn Th1 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 05 năm thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.14.2. Xử phạt Nguyễn Văn Th2 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 05 năm thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.14.3. Xử phạt Trần Đức H2 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 05 năm thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.14.4. Xử phạt Đặng Tiến Tr1 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 05 năm thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.14.5. Xử phạt Dương Quốc B1 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, 04 năm thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.14.6. Xử phạt Nguyễn D1 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, 04 năm thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.14.7. Xử phạt Huỳnh Ng 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, 04 năm thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và Q kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/9/2019, bị cáo Nguyễn Hoàng Tr kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị được hưởng án treo, bị cáo Hồ Trọng D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 26/9/2019, bị cáo Lê Quang Th, Trần Lưu L2 và Nguyễn Tấn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 27/9/2019, bị cáo Ngô Hùng V và Nguyễn Văn L3 kháng cáo xin hưởng án treo. Ngày 30/9/2019, bị cáo Lê Văn Ch, Phan Hữu Ph, Phan Hữu Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo Bùi Văn Khg và Phạm Văn H1 kháng cáo xin hưởng án treo. Ngày 01/10/2019, bị cáo Phạm Văn T, Phạm Trung K1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị được hưởng án treo. Ngày 02/10/2019, bị cáo Nguyễn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 04/10/2019, bị cáo Bùi Đăng H kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Bị cáo Ph trình bày: Xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng tội. Tuy nhiên, hình phạt là quá nghiêm khắc. Bị cáo có hợp tác với K đấu giá mua gỗ, sau đó có bàn việc khai thác, thu mua. Riêng việc vận chuyển là nhiệm vụ của K nên K đã phân công nhân viên là Tr có nhiệm vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm Q để làm thủ tục vận chuyển gỗ. Bị cáo không đưa hối lộ cho bất kỳ cá nhân nào, việc này do bị cáo Tr là nhân viên của K thực hiện. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Lý do xin giảm nhẹ hình phạt là: Gia đình có công với cách mạng, thành khẩn khai báo, hợp tác với cơ quan điều tra giải quyết vụ án. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị cáo có tham gia bảo vệ an ninh tại địa phương, cụ thể là tham gia bắt trộm, được Công an địa phương xác nhận.

Bị cáo Tr trình bày: Thừa nhận hành vi phạm tội nhưng bản án sơ thẩm đã nêu là đúng. Bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo chỉ là người làm thuê cho Công ty TT, do K là giám đốc. Bị cáo là người đưa tiền cho những người như bản án đã nêu nhưng thực hiện theo chỉ đạo của K, nguồn tiền do K, có lúc do Ph đưa. Bị cáo xác định chỉ gặp H và nói bồi dưỡng 500.000 đồng/chuyến xe chở gỗ nhưng đưa số tiền này (8.000.000 đồng) cho Hồng nhận. Lý do xin giảm nhẹ hình phạt là: Gia đình có công với cách mạng, hoàn cảnh khó khăn, đã hợp tác với cơ quan điều tra để giải quyết vụ án.

Bị cáo Th trình bày: Thừa nhận hành vi phạm tội nhưng bản án sơ thẩm đã nêu là đúng. Bị cáo có gặp Ph, K nhưng chỉ hỏi về giấy tờ, thủ tục, không bàn việc đưa hối lộ. Tr là người đưa 249.500.000 đồng. Bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do: Bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền nhận của Tr nhưng chưa được bản án ghi nhận để giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, hiện tại phải nuôi dưỡng mẹ già.

Bị cáo Nguyễn L trình bày: Thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu là đúng. Bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do: Số tiền đã nhận là 15.000.000 đồng nhưng được sử dụng một phần vào công việc của đơn vị, bị cáo thiếu hiểu biết nên chỉ nghĩ đây là tiền bồi dưỡng do việc vận chuyển gỗ hợp pháp.

Bị cáo B trình bày: Thừa nhận hành vi phạm tội nhưng bản án sơ thẩm đã nêu là đúng. Bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do: Chỉ nhận 10.000.000 đồng, gia đình có công với cách mạng, bị cáo có thành tích trong công tác, là lao động chính, phải nuôi dưỡng con nhỏ.

Bị cáo H1 trình bày: Thừa nhận hành vi phạm tội nhưng bản án sơ thẩm đã nêu là đúng. Bị cáo có nhận 8.000.000 đồng của Tr nhưng do H nói nhận, bị cáo không gặp, thỏa thuận với Tr. Sau khi nhận tiền thì bị cáo đã báo cho H biết và sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích chung của Trám. Bị cáo xin hưởng án treo vì lý do: Gia đình có công với cách mạng, đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động chính.

Bị cáo H trình bày: Bị cáo có gặp Tr và Tr nói bồi dưỡng 500.000 đồng/chuyến chở gỗ qua Trám. Bị cáo có nói việc này cho toàn bộ nhân viên của Trám biết và Hồng là người nhận số tiền 8.000.000 đồng này. Trám barie được thành lập theo văn bản số 1694/UBND-NN của UBND tỉnh Đắk Nông nhưng không có nhiệm vụ kiểm tra xe chở gỗ. Vì vậy, dù có nhận tiền hay không nhận tiền của Tr thì bị cáo cũng không có Q kiểm tra. Đề nghị xác định bị cáo không phạm tội. Nếu có tội thì bị cáo nghiêm chỉnh chấp hành.

Bị cáo Kh trình bày: Bị cáo xác định bị xét xử là đúng, chỉ xin hưởng án treo, vì lý do: Gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo đã có thời gian dài tham gia công tác, có nhiều thành tích, hiện đang nuôi dưỡng mẹ già 93 tuổi.

Bị cáo Q trình bày: Tòa án xét xử là đúng, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt vì các lý do: Cha mẹ ruột là người có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều huân huy chương, bản thân và vợ bị bệnh tim, đang nuôi dưỡng 3 con nhỏ và cha mẹ già.

Bị cáo Ch trình bày: Xác định bị xét xử là đúng, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình bị cáo có công với cách mạng.

Bị cáo D trình bày: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như bản án đã nêu. Tuy nhiên, bị cáo chỉ là người làm thuê, không biết việc vận chuyển gỗ trái pháp luật. Có bị cáo cũng làm thuê như bị cáo nhưng lại chỉ bị xử phạt 2 hoặc 3 năm là không công bằng. Đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo V trình bày: Xác định bị xét xử là đúng, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do: Bị cáo chỉ là người làm thuê. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính.

Bị cáo Nguyễn Văn L3 trình bày: Bị cáo có hành vi phạm tội, xin giảm án vì lý do: Bị cáo chỉ là người làm thuê. Con bị cáo mới sinh tháng 1/2000, bị cáo và vợ phải nuôi con, trước đó vợ bị cáo cũng không có việc làm.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H1 trình bày: Bị cáo Hồng không bàn bạc với Tr mà chỉ nhận 8.000.000 đồng theo chỉ đạo của H. Trước đó, H và Tr đã thỏa thuận bồi dưỡng mỗi chuyến xe chở gỗ là 500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Hồng đã báo cáo với H và được H chỉ đạo sử dụng số tiền trên. Bị cáo H1 không sử dụng cá nhân trong số tiền này. Bị cáo H1 phạm tội nhưng vai trò hạn chế, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Hữu Ph, Nguyễn Hoàng Tr, Lê Quang Th, Bùi Văn Khg, Phạm Văn H1, Phan Hữu Q, Lê Văn Ch, Ngô Hùng V, Nguyễn Văn L3, Hồ Trọng D, Nguyễn Tấn B, Nguyễn L đã thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Đối với bị cáo Bùi Đăng H, mặc dù không thừa nhận hành vi phạm tội và tiếp tục kêu oan. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo H thừa nhận có trao đổi với Tr số tiền bồi dưỡng là 500.000 đồng/chuyến xe chở gỗ qua Trạm. Hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo H xác định không tổ chức kiểm tra xe chở gỗ. Theo Công văn số 1694/UBND-NN của UBND tỉnh Đắk Nông và Quyết định số 44/QĐ của Giám đốc Công ty TNHH MTV Đắk Wil thì việc lập Trạm barie để kiểm soát và ngăn chặn việc vận chuyển lâm sản trái phép trên tuyến đường biên giới từ xã Đắk Wil đi Đồn Biên phòng 751 đi qua lâm phần rừng của Công ty TNHH MTV Đắk Wil. Việc H không tổ chức kiểm tra, kiểm soát là vi phạm pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Nhận hối lộ” là đúng pháp luật, không oan. Việc cho rằng số tiền nhận của Tr được sử dụng vào mục đích chung của Trạm cũng chỉ được xem xét khi lượng hình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo kêu oan của bị cáo H.

Bị cáo Kh bị xử phạt 2 năm tù nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù giam, đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Các bị cáo: Q, Ch, Nguyễn Văn L3, V, T, K, D được xác định là đồng phạm nhưng bản chất đều là người làm thuê cho K, Ph nên vai trò hạn chế, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự (trừ bị cáo D). Bị cáo Q cung cấp hồ sơ bệnh án thể hiện bị suy tim độ 2, vợ bị cáo cũng điều trị bệnh về tim. Bị cáo T, K cung cấp chứng cứ được UBND xã DN, huyện QN tặng giấy khen trong phong trào của xã. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho những bị cáo này. Đối với các bị cáo: Ph, Tr, Th, Nguyễn L, B, H1 khi lượng hình Tòa án đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa cũng không cung cấp tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo này.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

Các bị cáo kháng cáo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Lưu L2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì bị cáo đã chết ngày 27/12/2019 theo bản sao giấy chứng tử số: 123/2020/TLKT-BS ngày 20/2/2020 của UBND phường Eatam, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, cần căn cứ điểm d khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 359, khoản 7 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự để hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Trần Lưu L2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phan Hữu Ph, Nguyễn Hoàng Tr, Lê Quang Th, Nguyễn Tấn B, Nguyễn L, Phạm Văn H1, Bùi Văn Khg, Phan Hữu Q, Lê Văn Ch, Hồ Trọng D, Ngô Hùng V và Nguyễn Văn L3 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn K tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng nội dung kháng cáo chỉ xin hưởng án treo. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các chứng cứ khác tại hồ sơ vụ án. Bị cáo Bùi Đăng H không thừa nhận hành vi phạm tội và kêu oan. Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Sau khi trúng đấu giá lô gỗ 640,022m³ do UBND tỉnh Đắk Lắk tổ chức bán đấu giá thì Ph và K đã bàn bạc với nhau lợi dụng việc vận chuyển gỗ mua trúng đấu giá để tổ chức khai thác và mua thêm gỗ bất hợp pháp tại khu vực Vườn quốc gia YD và biên giới Việt Nam - Campuchia để vận chuyển cùng đến huyện CJ, tỉnh Đắk Nông để tiêu thụ. Tr là người làm thuê cho K được Ph và K giao liên hệ với Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn để đóng dấu búa kiểm lâm đối với lô gỗ đã mua đấu giá và thực hiện các công việc khác là: Ghi chép sổ sách, theo dõi việc khai thác, thu mua, vận chuyển gỗ hợp pháp và bất hợp pháp, đồng thời trực tiếp gặp những người có thẩm Q của các cơ quan chức năng đưa tiền hối lộ để thuận lợi trong quá trình vận chuyển gỗ. Theo chỉ đạo của Ph và K, Tr đã đề nghị và được Kh là Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn tổ chức đóng búa kiểm lâm vào ngày 29/3/2017 đối với số gỗ mua đấu giá. Việc đóng búa trên là đúng với quy định tại Quyết định số: 44/2006/QĐ- BNN, ngày 01/6/2016 của Bộ Nông ngh và Phát triển nông thôn. Sau đó, K và Ph đã tự nguyện đưa cho Tr 120.000.000 đồng để bồi dưỡng cho Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn.

Ph giao cho Q và Ch trực tiếp theo dõi, quản lý những người làm thuê cho Ph khai thác trái phép 43 cây gỗ các loại trong lâm phần do Vườn quốc gia YD quản lý, khối lượng được xác định là 74,675m³ gồm các loại cây: Dầu, Cà chít, Sao, Cẩm xe, Chiêu liêu thuộc từ nhóm II đến nhóm VI, giá trị lâm sản bị thiệt hại theo Kết luận định giá tài sản ngày 16/4/2019 của Hội đồng Định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk là 795.842.700 đồng. Đồng thời, Q và Ch cũng tổ chức việc thu mua, khai thác gỗ trái phép tại Vườn quốc gia YD thuộc địa giới hành chính xã KN, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk và khu vực biên giới giữa Việt Nam – Campuchia.

Sau khi thu mua, khai thác gỗ trái phép thì Ph và K bắt đầu tổ chức vận chuyển gỗ. K giao cho Tr theo dõi, ghi chép việc vận chuyển gỗ. Căn cứ sổ ghi chép và dữ liệu trong máy tính của Tr có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 10/4/2017 đến 27/4/2018, Ph và K đã vận chuyển tổng cộng 142 chuyến, trong đó có 29 chuyến Tr không theo dõi khối lượng, 113 chuyến ghi chép sổ sách thể hiện tổng khối lượng gỗ đã vận chuyển là 1.451,368m³/1.091 lóng gỗ các loại. Trong số gỗ đã vận chuyển thì gỗ hợp pháp là 531,072m³/363 lóng và gỗ bất hợp pháp là 918,128 m³/727 lóng. Kết quả điều tra đã xác định khối lượng gỗ bất hợp pháp là 632,005m³, giá trị theo Kết luận giám định ngày 26/12/2018 của Giám định viên thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông là 3.176.900.960 đồng.

Để việc vận chuyển gỗ không bị kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật, theo chỉ đạo của Ph và K, Tr đưa cho Th là Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động Phòng cháy và chữa cháy rừng số 01 thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông 05 lần, với tổng số tiền là 249.500.000 đồng; Đưa cho L là Trạm trưởng số 01 thuộc Công ty Đắk Wil 03 lần, với tổng số tiền là 15.000.000 đồng; Trực tiếp thỏa thuận với H là Trạm trưởng số 01 Công ty Đắk Wil mỗi chuyến xe vận chuyển gỗ là 500.000 đồng và đã đưa cho H1 8.000.000 đồng là số tiền đã thỏa thuận với H trước đó; Đưa cho B là Trạm trưởng số 10 Vườn quốc gia YD 02 lần, với tổng số tiền 10.000.000 đồng.

Mặc dù biết Ph và K nhờ đóng dấu búa kiểm lâm bổ sung là không đúng quy định của pháp luật nhưng ngày 23/8/2017, Kh vẫn chỉ đạo L1 thực hiện đóng dấu búa kiểm lâm đối với 39 lóng gỗ, khối lượng 52,248m³ không rõ nguồn gốc, giá trị theo Kết luận giám định ngày 26/12/2018 của Giám định viên thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông là 226.281.650 đồng.

Đối với các bị cáo là người làm thuê và được Ph và K trả tiền công trong việc khai thác, vận chuyển gỗ trên cơ sở sổ ngày làm việc, khối lượng công việc, dưới sự theo dõi, quản lý của Q và Ch; hoặc được Ph, K thuê xe vận chuyển gỗ, cụ thể công việc chính của các bị cáo như sau: Đặng Tiến Tr1 có nhiệm vụ phụ xe cho các bị cáo khác vận chuyển 13 chuyến gỗ; Hồ Trọng D có nhiệm vụ lái xe vận chuyển gỗ; Dương Quốc B1 có nhiệm vụ phụ xe cho các bị cáo khác vận chuyển gỗ, phục vụ đồ ăn, nước uống cho cả nhóm; Trần Lưu L2 có nhiệm vụ lái xe vận chuyển 12 chuyến gỗ; Ngô Hùng V có nhiệm vụ phụ xe, đã tham gia 39 chuyến vận chuyển gỗ; Nguyễn D1 trực tiếp điều khiển xe để cầu gỗ từ bãi gỗ lên xe tải (thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 4/2018); Phạm Trung K1 và Phạm Văn T được thuê cưa 43 cây gỗ trái phép tại Vườn quốc gia YD và tham gia cùng các bị cáo khác vận chuyển gỗ từ khu vực biên giới đến khu vực tập kết; Trần Văn Th1, Nguyễn Văn Th2 và Trần Đức H2 có nhiệm vụ điều khiển xe độ chế kéo gỗ từ khu vực biên giới và tại Vườn Quốc gia YD về bãi tập kết; Huỳnh Ng, Nguyễn Văn L3 được giao móc cáp để cầu gỗ lên xe, tham gia bốc gỗ lên xe.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Ph, K và Tr về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và tội “Đưa hối lộ”; Xét xử bị cáo Th, L, B, H và H1 về tội “Nhận hối lộ”; Xét xử bị cáo Kh và L1 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, Quyền hạn trong khi thi hành công vụ”; Xét xử bị cáo Q, Ch, K, Tuyển, Th1, Th2, H3, D, L, B1, V, D1, Tr1, Ng và L về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo Phan Hữu Ph: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ph xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và “Đưa hối lộ” là đúng tội, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, Thấy rằng: Trong vụ án này thì K cùng được xác định là người chủ mưu, đã cùng với Ph bàn bạc thống nhất việc thu mua, khai thác gỗ trái phép để cùng vận chuyển chung với số gỗ mua hợp pháp. Căn cứ kết quả điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, có cơ sở xác định: Tr là nhân viên của Công ty TT, do K là giám đốc. K là người chỉ đạo trực tiếp Tr liên hệ với các cá nhân trong các cơ quan có thẩm Q để đưa hối lộ nhằm tạo thuận lợi trong việc vận chuyển gỗ, số tiền đưa

hồi lộ chủ yếu do Tr nhận của K nên vai trò của Ph được xác định hạn chế hơn K. Đối với hành vi vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, quá trình điều tra đã xác định được K và Ph đều thống nhất bàn bạc việc khai thác, thu mua gỗ bất hợp pháp tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia nên vai trò của các bị cáo được đánh giá ngang nhau.

Quá trình điều tra, bị cáo Ph đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời nộp 75.000.000 đồng khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa đầy đủ, cần áp dụng thêm điểm b, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét hình phạt đối với bị cáo Ph. Như vậy, bị cáo Ph có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, trong khi bị cáo K chỉ có 1 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 nhưng khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Ph và K cùng mức hình phạt 2 năm 6 tháng tù về tội “Đưa hối lộ” và Ph 6 năm tù, còn K 5 năm tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” là có phần nghiêm khắc đối với bị cáo Ph và không đảm bảo công bằng giữa các bị cáo. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm thì bị cáo đã trực tiếp bắt giữ đối tượng trộm cắp xe máy xảy ra tại thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông, được Công an thị trấn ET và Đội cảnh sát hình sự Công an huyện CJ, tỉnh Đắk Nông xác nhận ngày 09/6/2000. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Ph.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng Tr: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tr xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo là đúng tội, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, Thấy rằng: Bị cáo Tr là đồng phạm có vai trò giúp sức tích cực đối với K, Ph, là người trực tiếp liên hệ với những người có thẩm Q để đặt vấn đề hối lộ, sau đó về báo lại cho K và Ph biết để nhận tiền và đưa cho những người này để họ không thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát khi xe chở gỗ qua trạm theo quy định. Tr cũng là người đặt vấn đề cho gỗ và đề nghị cán bộ kiểm lâm đóng dấu búa bổ sung không đúng quy định. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ. Tại phiên tòa, bị cáo Tr cũng không cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên kháng cáo của các bị cáo Tr không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo của các bị cáo Lê Quang Th, Nguyễn L, Nguyễn Tấn B, Bùi Đăng H, Phạm Văn H1, Bùi Văn Khg: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Th, Bình, Hồng, Kh xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là đúng tội. Các bị cáo Th, Lợi, Bình chỉ xin giảm nhẹ hình phạt; Các bị cáo Kh, Hồng xin được hưởng án treo. Bị cáo H kháng cáo kêu oan. Thấy rằng:

Bị cáo Th đã nhận 249.500.000 đồng do Tr là người trực tiếp đưa để không thực hiện nhiệm vụ tuần tra theo quy định pháp luật, tạo điều kiện để Ph, K vận chuyển gỗ trái phép. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Th về tội “Nhận hối lộ” quy định tại khoản 3 Điều 354 Bộ luật hình sự, đồng thời khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng. Tuy nhiên, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo Th đã chủ động nộp

lại 229.000.000 đồng, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiếp 20.500.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông, theo biên lai thu số 000960 ngày 09/10/2019. Như vậy, bị cáo Th đã nộp lại 100% số tiền hồi lộ đã nhận nên được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Như vậy, bị cáo Th không có tình tiết tăng nặng, có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề được áp dụng. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Th.

Bị cáo L là Trưởng trạm Quản lý bảo vệ rừng số 01 thuộc Công ty Đắk Wil, đã nhận 15.000.000 đồng của Ph, K do Tr là người trực tiếp đưa, tạo điều kiện để Ph, K vận chuyển trái phép gỗ trên tuyến đường quốc phòng từ Đồn biên phòng 751 đến trung tâm xã Đắk Wil thuộc trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát Trạm Quản lý bảo vệ rừng số 01. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ. Tại phiên tòa, bị cáo cũng không cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên kháng cáo của bị cáo L không có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo B là Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm số 10 thuộc Vườn Quốc gia YD, đã nhận 10.000.000 đồng do Tr là người trực tiếp đưa, tạo điều kiện để Ph, K vận chuyển trái phép gỗ trên tuyến đường từ Đồn Biên phòng 743, 747, 749 đến Trạm Kiểm lâm số 10, qua Đồn Biên phòng 751 về lâm phần Công ty Đắk Wil. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ. Tại phiên tòa, bị cáo cũng không cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên kháng cáo của bị cáo B không có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị cáo H, mặc dù tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội và kêu oan, thấy rằng: Hồ sơ vụ án thể hiện, theo đề nghị của Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng, Sở nông ngh và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông và Công ty TNHH MTV Lâm ngh Đắk Wil về việc đặt trạm barie kiểm soát lâm sản. Ngày 03/5/2013, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành công văn số 1694/UBND-NN về việc đặt trạm barie kiểm soát lâm sản, có nội dung: *“Đồng ý cho Công ty TNHH MTV Lâm H Đắk Wil đặt trạm barie để kiểm soát và ngăn chặn việc vận chuyển lâm sản trái phép trên tuyến đường biên giới từ xã Đắk Wil, huyện CJ đi Đồn Biên phòng 715 đi qua lâm phần rừng của đơn vị. Việc tổ chức kiểm tra, kiểm soát tại trạm Barie, yêu cầu Công ty TNHH MTV Lâm ngh Đắk Wil thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Hạt kiểm lâm huyện CJ và chính Q địa phương để xử lý và tuân thủ các quy định của Nhà nước”*. Trên cơ sở công văn số 1694/UBND-NN nêu trên, ngày 15/5/2013 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Đắk Wil, ngày 15/5/2013 ban hành Quyết định số 44/QĐ, có nội dung: Giao cho Xí H Lâm nông H xây dựng Trạm Barie. Việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát lâm sản trên tuyến đường theo quy chế của Công ty và quy định của pháp luật, đồng thời thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Hạt Kiểm lâm huyện và UBND xã Đắk Wil. Như vậy, có căn cứ xác định Trạm Quản lý bảo vệ rừng số 01 thuộc Công ty Đắk Wil

có nhiệm vụ kiểm soát và ngăn chặn việc vận chuyển lâm sản trái phép trên tuyến đường biên giới từ xã Đắc Wil, huyện CJ đi Đồn Biên phòng 715 đi qua lâm phần rừng của Công ty Đắc Wil, không phải chỉ có nhiệm vụ kiểm soát trong phạm vi quản lý rừng của Công ty Đắc Wil như bị cáo H trình bày.

Căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra (các bút lục từ số 18.210 đến 18.212) và nội dung trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định H với vai trò là Trưởng trạm Quản lý bảo vệ rừng số 01, là người trực tiếp thỏa thuận với Tr, theo đó mỗi chuyến xe vận chuyển gỗ thì bồi dưỡng 500.000 đồng. Sau đó, không tổ chức kiểm tra, kiểm soát việc vận chuyển gỗ qua Trạm Barie là trái pháp luật. Số tiền 8.000.000 đồng được Tr giao cho H1 chính là số tiền mà Tr đã thỏa thuận với H và H nói lại cho H1 biết. Sau đó, H là người trực tiếp phân chia số tiền trên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H về tội “Nhận hối lộ” quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 354, đồng thời đã xem xét tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng pháp luật, không oan. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo H là không có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo H1 là Phó trưởng Trạm Quản lý bảo vệ rừng số 01 thuộc Công ty Đắc Wil, là người trực tiếp nhận 8.000.000 đồng của Tr. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hồng về tội “Nhận hối lộ” quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 354, đồng thời khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng. Tuy nhiên, bị cáo H1 có vai trò đồng phạm giúp sức hạn chế, phạm tội một phần do bị phụ thuộc vào bị cáo H, chỉ là người nhận tiền sau khi bị cáo H đã thông báo số tiền thỏa thuận với Tr, đồng thời sau khi nhận tiền thì H1 đã báo cho bị cáo H biết. Mặc dù, H1 đã sử dụng toàn bộ 8.000.000 đồng để chi phí vào công việc chung của Trạm như: Mua thức ăn, xăng xe mà không sử dụng riêng nhưng sau khi bị phát hiện, bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền đã nhận hối lộ. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Như vậy, bị cáo H1 bị xét xử ở khung hình phạt nhẹ nhất, không có tình tiết tăng nặng, có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt. Xét thấy, không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ khả năng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần áp dụng khoản 2 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 để chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn.

Bị cáo Kh là Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn, đã có hành vi chỉ đạo cho Trịnh Văn Th, Hà Thăng L1, Nguyễn Văn Ph thực hiện việc đóng dấu búa kiểm lâm không đúng quy định pháp luật đối với 39 lóng gỗ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Kh về tội “Lợi dụng chức vụ, Quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 356, đồng thời áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng. Tuy nhiên, bị cáo Kh có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt. Xét thấy, không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ khả năng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không

ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần áp dụng khoản 2 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 để chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn.

Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Trọng D, Lê Văn Ch, Phan Hữu Q, Ngô Hùng V, Nguyễn Văn L³, Phạm Văn T, Phạm Trung K¹: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là đúng tội. Các bị cáo D, Ch, Quyền chỉ xin giảm nhẹ hình phạt; Các bị cáo V, L, T, K xin hưởng án treo, thấy rằng:

Bị cáo D trực tiếp lái xe vận chuyển gỗ cho bị cáo Ph, K nên được xác định là đồng phạm trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo D, về tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm k, khoản 3 Điều 232, đồng thời khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo cũng chỉ là người làm thuê, vai trò đồng phạm hạn chế nên hình phạt 5 năm tù đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác có cùng tính chất và hành vi phạm tội. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo Lê Văn Ch, Phan Hữu Q là người được Ph giao nhiệm vụ trực tiếp theo dõi, quản lý những người làm thuê trong việc tổ chức thu mua, khai thác gỗ trái phép tại Vườn quốc gia YD thuộc địa giới hành chính xã KN, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk và khu vực biên giới giữa Việt Nam – Campuchia. Các bị cáo có vai trò đồng phạm giúp sức tích cực hơn cho Ph, K so với các bị cáo khác. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Ch, Q về tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm e, k khoản 3 Điều 232, khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Q cung cấp hồ sơ bệnh án và Giấy ra viện do Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông cấp ngày 14/5/2010 cấp, có nội dung xác định bị cáo Q bị: Cơ đau thắt ngực CCS/Suy tim độ II (NYHA), điều trị tại Bệnh viện từ ngày 09/5 đến ngày 14/5/2020. Hiện nay, vợ bị cáo là Đậu Thị Th được Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên chuẩn đoán suy tim. Ngoài ra, bị cáo Q có cha mẹ ruột là ông P.H.T, bà N.T.L đều được tặng thưởng huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, có nhiều thành tích trong kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước khen thưởng, hiện đã già yếu, sống phụ thuộc vào sự chăm sóc, phụng dưỡng của bị cáo Q, được Chi bộ, Hội người cao tuổi và Ủy ban Nhân dân xã Hưng Nghĩa, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 16/3/2020. Gia đình bị cáo Q có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo là lao động chính được Ủy ban Nhân dân thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông xác nhận ngày 18/3/2020. Như vậy, mặc dù bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 3 năm tù là phù hợp nhưng vì những lý do nêu trên nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với bị cáo Q. Tại phiên tòa, bị cáo Ch cũng không cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo V là phụ xe vận chuyển gỗ, bị cáo Nguyễn Văn L3 được phân công móc cáp để cẩu gỗ lên xe, các bị cáo T, K được thuê cưa gỗ. Những bị cáo này đều là người làm thuê, được Ph trả tiền công hàng tháng, hoàn toàn không có mục đích phá rừng để chiếm đất sản xuất hoặc sử dụng vào các mục đích khác, cũng không được hưởng lợi từ việc khai thác, vận chuyển gỗ trái phép. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo là đồng phạm trong vụ án là đúng. Tuy nhiên, vai trò của các bị cáo rất hạn chế, có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Các bị cáo là người có trình độ văn hoá thấp, nhận thức hạn chế, chỉ vì cuộc sống sinh nhai dẫn đến phạm tội. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ khả năng cải tạo, giáo dục, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vương, Lợi, Tuyển, Kiên là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 năm 2015 là: Khoan hồng đối với người thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần ý kiến của Viện kiểm sát; Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Ph, Th, Kh, Hồng, Q, Dũng, Vương, Nguyễn Văn L3, Tuyển, Kiên; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tr, Nguyễn L, Bình, H, Ch; Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, d khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 359, khoản 2 Điều 357, khoản 7 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Trần Lưu L2.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo: Phan Hữu Ph, Lê Quang Th, Bùi Văn Kh, Phạm Văn H1, Phan Hữu Q, Ngô Hùng V, Nguyễn Văn L3, Hồ Trọng D, Phạm Văn T, Phạm Trung K1.

3. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Tấn B, Nguyễn L, Bùi Đăng H, Lê Văn Ch.

4. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HS-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về hình phạt.

5. Tuyên bố:

- Bị cáo Phan Hữu Ph, Nguyễn Hoàng Tr phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và tội “Đưa hối lộ”;

- Bị cáo Lê Quang Th, Nguyễn L, Nguyễn Tấn B, Bùi Đăng H và Phạm Văn H1 phạm tội “*Nhận hối lộ*”;

- Bị cáo Bùi Văn Kh phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, Quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”;

- Bị cáo Phan Hữu Q, Lê Văn Ch, Phạm Trung K1, Phạm Văn T, Hồ Trọng D, Ngô Hùng V và Nguyễn Văn L3 phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

5.1 Áp dụng điểm e, k khoản 3 Điều 232; Điểm đ, e khoản 2 Điều 364; Điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Phan Hữu Ph 05 (Năm) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Đưa hối lộ*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2018 đến ngày 17/5/2019.

5.2. Áp dụng điểm e, k khoản 3 Điều 232; Điểm đ, e khoản 2 Điều 364; Điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Hoàng Tr 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” và 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Đưa hối lộ*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2018 đến ngày 28/6/2019.

5.3 Áp dụng điểm c, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; Điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Lê Quang Th 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2018 đến ngày 02/4/2019. Cấm Lê Quang Th đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 03 (Ba) năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5.4 Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn L 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án. Cấm Nguyễn L đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5.5 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 354; Điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Tấn B 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án. Cấm Nguyễn Tấn B đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 (Hai) năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5.6 Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Bùi Đăng H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án. Cấm

Bùi Đăng H đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 (*Hai*) năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5.7 Áp dụng điểm a khoản 1 khoản 5 Điều 354; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Phạm Văn H1 02 (*Hai*) năm cải tạo không giam giữ. Cẩm Phạm Văn H1 đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tính từ ngày chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Phạm Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã Đắc Wil, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Phạm Văn H1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đắc Wil, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông trong việc giám sát, giáo dục đối với Phạm Văn H1.

5.8 Áp dụng khoản 1 Điều 356; Điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Bùi Văn Khg 03 (*Ba*) năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2018 đến ngày 14/01/2019 theo quy định 1 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ là 450 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 01 (*Một*) năm 9 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Bùi Văn Khg cho Ủy ban nhân dân phường Tân An, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Bùi Văn Khg có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Tân An, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục đối với Bùi Văn Khg.

5.9 Áp dụng điểm e, k khoản 3 Điều 232; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

5.9.1 Xử phạt Lê Văn Ch 03 (*Ba*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2018 đến ngày 07/12/2018.

5.9.2 Xử phạt Phan Hữu Q 02 (*Hai*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2018 đến ngày 07/12/2018.

5.10 Áp dụng điểm k khoản 3 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Hồ Trọng D 04 (*Bốn*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2018 đến ngày 12/10/2018.

5.11 Áp dụng điểm k khoản 3 Điều 232; Điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 54, của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

5.11.1 Xử phạt, Phạm Trung K1 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Phạm Trung K1 cho Ủy ban nhân dân xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Phạm Trung K1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình trong việc giám sát, giáo dục đối với Phạm Trung K1.

5.11.2 Xử phạt Phạm Văn T 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Duy Ninh, huyện Quảng

Ninh, tỉnh Quảng Bình để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Phạm Văn T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình trong việc giám sát, giáo dục đối với Phạm Văn T.

5.11.3 Xử phạt Ngô Hùng V 02 (*Hai*) năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Ngô Hùng V cho Ủy ban nhân dân thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Ngô Hùng V có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông trong việc giám sát, giáo dục đối với Ngô Hùng V.

5.11.4 Xử phạt Nguyễn Văn L3 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Văn L3 cho Ủy ban nhân dân thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn L3 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông trong việc giám sát, giáo dục đối với Nguyễn Văn L3.

6. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phan Hữu Ph, Lê Quang Th, Bùi Văn Khg, Phạm Văn H1, Phan Hữu Q, Ngô Hùng V, Phạm Văn T, Phạm Trung K1, Nguyễn Văn L3, Hồ Trọng D không phải chịu án phí. Các bị cáo Nguyễn Hoàng Tr, Nguyễn Tấn B, Nguyễn L, Bùi Đăng H, Lê Văn Ch, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng.

7. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12 tháng 6 năm 2020)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VP (3), Hồ sơ (2), (án NTMD).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đức Phương